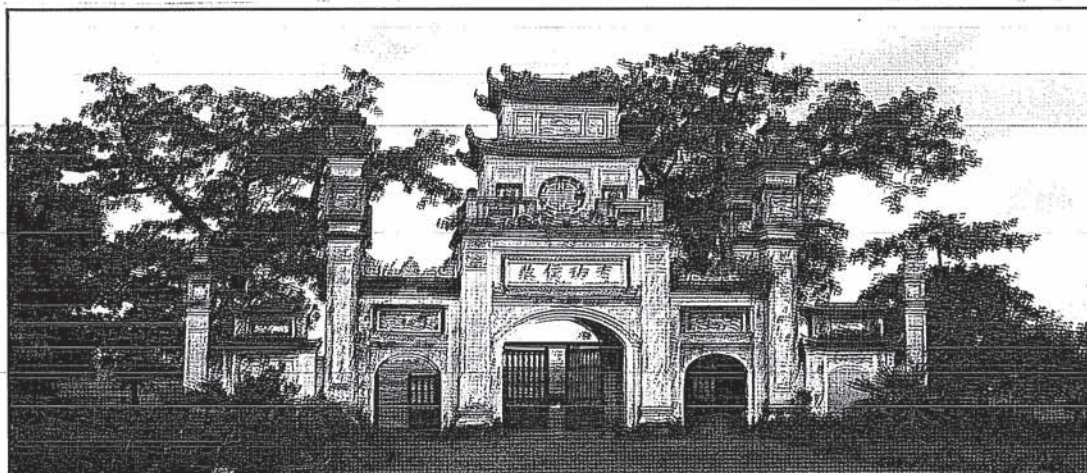


PHỔ BIẾN KIẾN THỨC



CHÙA

(Tiếp theo kỳ trước)

Nói đến chùa là nói đến Phật, vậy Phật là gì? Theo nhiều nhà nghiên cứu Phật học, thì Phật có nghĩa là trí tuệ, dẫn tới giác ngộ và cứu cánh là giải thoát. Mở rộng ra, đạo Phật là một hệ triết học có gốc vô thần và thoát tục... Nhờ trí tuệ để diệt trừ vô minh tức ngu tối, mà ngu tối là mầm mống của tội ác. Như vậy, đạo Phật hướng người ta tới thiện tâm trên nền tảng của trí tuệ.

Đệ tử gần gũi của nhà Phật có 2 chức năng cơ bản là tu và hành. Hiểu theo lối thế gian có nghĩa là phải rèn luyện, học hỏi theo lời Phật dạy để đạt được trí tuệ ngày càng cao. Song quan trọng hơn là "hành" có nghĩa là đem nhận thức Phật đạo truyền bá tới chúng sinh để họ cùng tinh tiến như mình. Vì thế, được gọi là Sư, có nghĩa là người Thầy, một trong Tam Bảo của nhà Phật. Nhà sư mỗi ngày tiến bộ hơn về lẽ đạo có nghĩa ngoài những giáo lý cơ bản thì một trong những yếu lĩnh phải nghĩ tới là "vô chấp" (không lệ thuộc vào bất kể điều kiện nào của hình danh sắc tướng). Chính vì thế, từ xưa đến nay, chùa Việt là của dân, mà nay sự quản lý trực tiếp về lĩnh vực văn hoá vật thể là của ngành văn hoá. Người Việt thờ Phật theo lối thế gian, cần phải có tượng để hướng tâm đến lẽ đạo và lễ đời. Vì thế, chùa Việt hiện nay khá nhiều tượng, nên đòi hỏi phải có sự bố trí đúng nguyên tắc, đúng trật tự nhất là ở trên bàn thờ

chính bao gồm:

- Hàng cao nhất là Tam Thế Phật;
- Hàng thứ hai là Di Đà Tam Tôn,
- Hàng thứ ba có Hoa Nghiêm Tam Thánh (cũng có thể thay bằng Tuyết Sơn cùng Ca diếp và A nan đà);
- Hàng thứ tư: có ở một số ít chùa là Di Lạc Phật
- Hàng thứ năm có Cửu Long Thích Ca sơ sinh, Phạm Vương và Đế Thích.
- Hàng thứ sáu có Ngọc Hoàng cùng Nam Tào và Bắc Đẩu...

Tượng Quan âm Thiên Thủ để góc trong bên trái thượng điện và Quan âm tọa sơn bên phải..., ở bên phải là Thánh Tăng. Ngoài ra, còn tượng của Hộ Pháp và các tượng Diêm Vương nữa.

Chùa Việt có nhiều dạng. Hiện nay, một dạng được coi là thuần Việt đó là chùa Tứ Pháp (các thần linh liên quan đến nông nghiệp được Phật giáo hoá), rồi những ngôi chùa tiền Phật hậu Thánh rất lớn vốn không có sư (như Chùa Keo, Chùa Thầy, Chùa Láng...). Ở nước ta, còn có một dạng chùa đặc biệt nữa là chùa Quan Âm, chủ yếu ở ven sông thường gắn với Quan Âm Nam Hải với chức năng ủng hộ thương thuyền (lưu ý trong hệ thống tượng thờ của loại chùa này, tượng Quan âm nhiều thiên thủ được làm lớn và ngồi ở trung tâm chính điện). Chùa Việt chủ yếu là của dân nên cũng đã hội tụ cả tín ngưỡng dân gian vào chùa phổ biến là đạo thờ Mẫu.

THÁP

Tháp là một kiến trúc thường có nhiều tầng, cũng gọi là Tháp Bà và nhiều tên gọi khác.

Tháp thường được nghĩ gắn với chùa. Cây tháp cổ nhất nước ta được Thủy Kinh Chú (sách do người Trung Hoa viết vào thế kỷ VI) là của vua A Dục dựng tại núi Nê Lê thuộc Kiến An (Hải Phòng) vào thế kỷ thứ 3 trước công nguyên. Dưới thời Bắc thuộc, chưa tìm thấy dấu vết tháp.

Vào thời Lý ít nhất có 3 dạng tháp: Dạng thứ nhất: theo các nhà lịch sử học, dân tộc học mỹ thuật thì dạng tháp này không quan tâm, được tính đến tầng tháp. Dạng thứ hai như tháp Long Đọi Sơn là tháp Phật có tới 13 tầng. Dạng thứ ba là đài kỷ niệm chiến thắng như tháp Báo Thiên 10 tầng. Tất cả các tháp này trừ tháp Báo Thiên đều là Phật Điện (có lẽ đồng nhất với toà Tam Bảo)

Vào thời Trần, đã tìm được tháp 11 tầng như Tháp Phổ Minh (Nam Định). Về sau, người ta thêm 3 tầng nữa ở đỉnh tháp. Các thời sau thường có tháp ít tầng hơn và dần dần có đủ các dạng tháp với số tầng khác nhau.

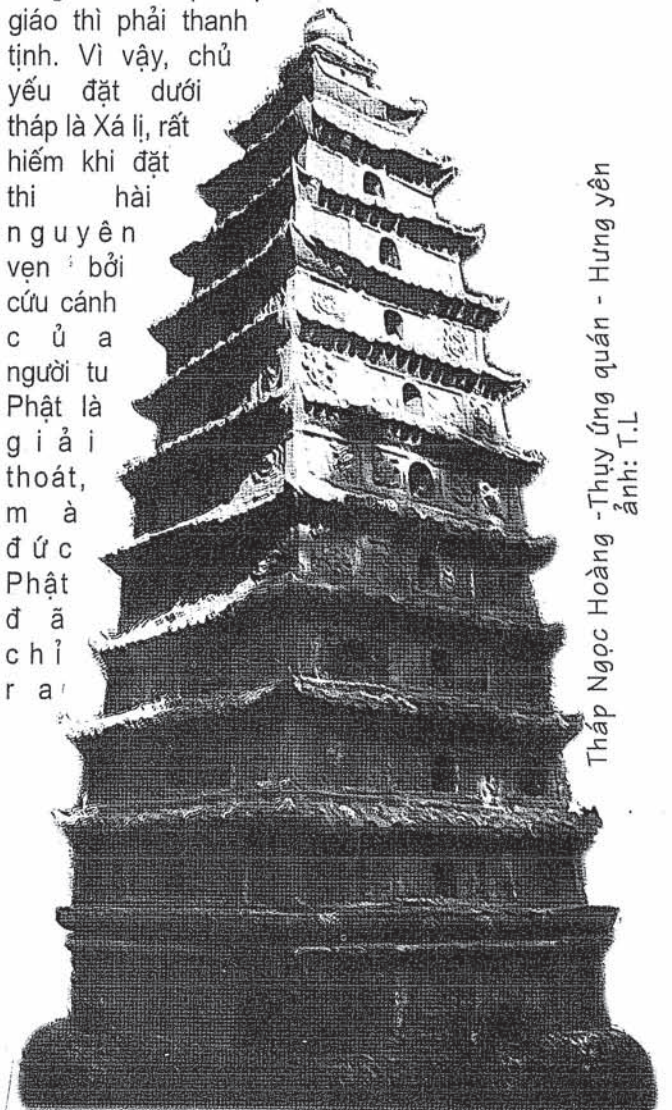
Trên thực tế, kiến trúc tháp ở Ấn Độ thường có dạng bát úp trên một nền vuông đó là ngôi đền thờ Phật (như Tháp San Chi cổ kính). Tháp nhiều tầng chủ yếu là ở Trung Hoa, được nhiều người cho là ảnh hưởng từ sự phân hoá xã hội ở một mức độ nhất định. Tháp cũng mang tư cách trục vũ trụ nối trời với đất, đồng thời người Trung Hoa đã đẩy thần linh lên cao nên có xu hướng vươn lên theo chiều cao. Còn người Việt thần linh còn gần gũi thế gian nên có số tầng tháp thường chỉ gắn với Phật quả. Sách Từ Hải cho biết " Tháp 13 tầng gắn với các vị Phật từ thời Thích Ca Mâu Ni Phật trở về trước; tháp 11 tầng cũng là tháp Phật nhưng là của những chúng sinh đạt được quả Phật sau thời Thích Ca Mâu Ni Phật, tháp 9 tầng thường gắn với thế giới của A Di Đà Phật (Tây phương Cực lạc, cũng có khi là Tháp cứu Phẩm Liên Hoa có thể quay được). Như vậy, Cửu Phẩm Liên Hoa là sự hội tụ của Thiên -Tịnh- Mật dưới dạng văn hoá vật thể. Ba dạng tháp trên qua khảo sát thực địa bao giờ cũng nằm trên một trục trung tâm, mọi hiện tượng tôn tạo, đặt lệch trục trung tâm chắc chắn làm méo mó tinh thần

của Phật giáo. Tháp 7 tầng thường là tháp của các vị Phật như tháp chùa Thiên Mụ. Tháp 5 tầng ở nước ta thường gắn với các vị chủ phái như Chân Nguyên (Quỳnh Lâm- Quảng Ninh), Chuyết Công (Bút Tháp, Thuận Thành, Bắc Ninh). Tháp 4 tầng thường gắn với các vị A La Hán. Tháp 3 tầng thường gắn với các hoà thượng. Tháp 1 tầng thường liên quan đến những nhà tu hành chẳng may qua đời khi đạo quả còn thấp.

Ở nước ta, do tôn sùng vị sư trụ trì chùa, mà nhà sư kế tục thường xây tháp cho chùa mình giả 3 tầng với tầng trên cùng là tên tháp, tầng giữa là am thờ, tầng dưới là đế. Ở một vài trường hợp đặc biệt cũng có thể có vị đạo cao đức trọng chỉ có tháp 1 tầng với phần trên tròn, đế vuông như Tháp Bảo Châu.

Trong những ngôi tháp kể trên, phần nhiều là nơi yên nghỉ của những kiếp tu hành đã qua, song đã là tháp Phật

giáo thì phải thanh tịnh. Vì vậy, chủ yếu đặt dưới tháp là Xá li, rất hiếm khi đặt thi hài nguyên vẹn bởi cứu cánh của người tu Phật là giải thoát, mà đức Phật đã chỉ ra



Tháp Ngọc Hoàng -Thụy ứng quán - Hưng yên
ảnh: T.L

thần lửa là vị tu sĩ cao cả thông qua ngài mọi xấu xa, như bản đều được diệt trừ, xác thân tiêu huỷ khiến chỉ còn pháp thân vĩnh cửu không còn bị vướng vào đâu nữa mà nhập vào cõi thường trụ.

Ngoài những tháp gắn với nhà Phật, ở nước ta còn một số tháp kỷ niệm như tháp Báo Thiên (nhà Lý); Tháp Bút (đền Ngọc Sơn); Tháp Hoà Phong (ven bờ hồ)...

(Theo tư liệu của Trần Lâm)

ĐỀN

Đền là một kiến trúc thuộc lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng. Nơi đó con người tìm cách thông linh (cũng như nhằm tiếp cận thần linh). Đó là nơi để thờ các thiên thần (các thần linh thuộc tầng trời), nhiên thần (các thần linh thuộc thế lực tự nhiên), nhân thần (xuất phát từ con người)... Trong hệ thống thần linh ấy gồm có cả các anh hùng văn hoá hoặc các thần linh có yếu tố anh hùng văn hoá, các anh hùng dân tộc và những người có công với dân, với nước.

Trong quan niệm chung, thì anh hùng văn hoá là những vị thánh thần nảy sinh từ thời nguyên thủy, được gắn cho có một siêu lực vô biên có khả năng tạo thiên lập địa. Ở nước ta, anh hùng văn hoá có thể kể đến những vị thần như Tản Viên, Thánh Gióng, các vị thần có yếu tố anh hùng văn hoá như Chử Đồng Tử, Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Anh hùng văn hoá được sinh ra bởi tư duy của cộng đồng trước những thành công vĩ đại của thời nguyên thủy. Trên dòng trôi chảy của lịch sử được thiêng hoá để rồi cùng hội nhập vào anh hùng văn hoá những sự kiện gắn gũi với lịch sử và xã hội.

Anh hùng dân tộc là những người bằng xương bằng thịt có những đại công lớn trong sản xuất và lãnh đạo dân tộc bảo vệ đất nước (như Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Lê Lợi, Quang Trung, Hồ Chí Minh)

Như vậy, không một di tích nào gắn với tôn giáo, tín ngưỡng lại không mang tính chất đền thờ. Song, ở một số kiến trúc riêng biệt mang chức năng riêng như Chùa, Đình... được chuyển gọi tên riêng. Nên, đền hầu như chỉ liên quan đến Thần, Thánh... Ở nước ta, có nhiều đền lớn như Đền Hùng, Đền Hai Bà Trưng, Đền Vua Đinh- Vua Lê... thông thường gắn với

những vị thần có vai trò nhất định đối với cộng đồng. Những vị thần nhỏ thường có nơi thờ được gọi là Miếu. Tuy nhiên, cũng có những miếu rất lớn như Văn Miếu chẳng hạn. Đó là nơi thờ Khổng Tử cùng các vị danh Nho. Trước đây, Văn Miếu chỉ được dựng ở Kinh đô. Đến thời Minh Mạng, triều đình cho phép các tỉnh được dựng Văn Miếu riêng như Văn Miếu Mao Điền, Văn Miếu Hưng Yên, Văn Miếu Trấn Biên (Đồng Nai). Dưới các tỉnh hoặc nơi phủ huyện và thấp hơn chỉ có Văn chỉ và Văn từ. Theo quy định, nơi nào có người đỗ tiến sĩ thì văn chỉ mới được lập mái. Còn nơi nào có cử nhân trở xuống thì chỉ được xây bệ mà thôi.

Một hệ thống đền khác gắn với đạo Lão và Lão giáo thường được gọi là Quán. Trong xu hướng củng cố đất nước, để khẳng định nền độc lập, cần sự bền vững dài lâu thì những quán ở giai đoạn đầu thời tự chủ thường chú ý tới thờ thần tiên gắn với việc thờ trường sinh bất tử. Khoảng thế kỷ XVI về sau có sự tham gia của trí thức vào các quán đạo Lão (chủ yếu từ thời Mạc và đầu thế kỷ 17) đã cho ra nhiều ngôi quán lớn với các thần linh của Lão giáo (Tam Thanh, Ngũ Nhạc, Cửu Diệu Tinh Quân..)

Trong dân gian, còn một hệ thống đền khác liên quan đến tín ngưỡng dân tộc đó là đạo thờ Mẫu. Cũng như những đền thờ các thần linh dân dã trong các di tích này được gọi là Điện. Một kiến trúc thờ mẫu được gắn với 4 thế lực gồm:

- Thế lực sáng tạo là các thánh mẫu
- Thế lực thực hiện ý đồ sáng tạo là các quan lớn
- Thế lực phát huy thành quả sáng tạo: các ông hoàng và các chúa bà hay châu bà
- Thế lực hưởng các thành quả: là những người đạt được những chuẩn đạo và đức nhất định gồm: cô và cậu.

Trong điện Mẫu, nhiều khi chịu ảnh hưởng của Trung Hoa àm có cả Ngọc Hoàng Thượng đế (Vua cha Ngọc Hoàng), vua cha Bát giới, Vua cha Diêm Vương). Người xưa cũng hội nhập vào hệ thống hệ thống này một số thần linh gắn gũi và to lớn trong tâm thức như Trần Hưng Đạo, Lý Nam Đế). Những nơi thờ mẫu mang tính chất trung tâm sấm uất còn được gọi là Phủ (Phủ Tây Hồ, Phủ Giáy...), ở một số địa phương nhiều ngôi đền dân dã như ở Thanh Hoá cũng được gọi là Phủ.

Cùng các hệ thống đền miếu còn có tính am.

(Theo tư liệu của Trần Lâm)

(tiếp trang 89)

Thiên cư sĩ cúng dâng hai nô tì là Thăng Đại và Mỹ Am cùng một con trâu làm của Tam bảo".

Thông tin trên cho biết ngôi chùa này do một vị Phu đạo, viên quan nhà Trần cai quản vùng biên cương này xây dựng. Chế độ phu đạo ở đây được cha truyền con nối và những người họ Nguyễn giữ chức phu đạo này hẳn là những người gốc họ Lý được sai phái lên cai quản vùng biên ải phía Bắc, đã phải đổi sang họ Nguyễn vào thời Trần.

Một văn bia và chuông đồng khác cũng được làm vào năm Vĩnh Thịnh thứ nhất (1705). Nội dung văn bản cho biết chùa này được tu bổ và duy trì vào thế kỉ XVII, đầu thế kỉ XVIII do hoàng tộc nhà Mạc lánh nạn ở Cao Bằng chủ trì.

2. Chùa Bình Lâm

Chùa Bình Lâm hiện là một ngôi nhà nhỏ, rất sơ sài. Chùa vốn ở phía chân núi đối diện chùa hiện tại, nhưng nơi đây nay chỉ còn nền nhà, đã trở thành khu nghĩa địa của một số gia đình. Nơi đây người dân phát hiện được một số gốm nung thời Trần như đầu rồng, mô hình tháp... Chùa hiện còn một quả chuông đồng lớn được đúc vào năm Hưng Long 4 (1296).

Chuông cao 105 cm (trong đó thân chuông cao 86 cm, quai cao 19 cm), đường kính miệng chuông là 59 cm. Quai chuông là hai hình rồng đầu lưng vào nhau. Đỉnh quai chuông là hình nậm rượu. Chuông có 6 nậm tròn. Miệng chuông hơi loe được trang trí bởi những cánh sen nối tiếp nhau. Văn bản chữ Hán khắc trên 4 ô lớn ở thân chuông, gồm bài

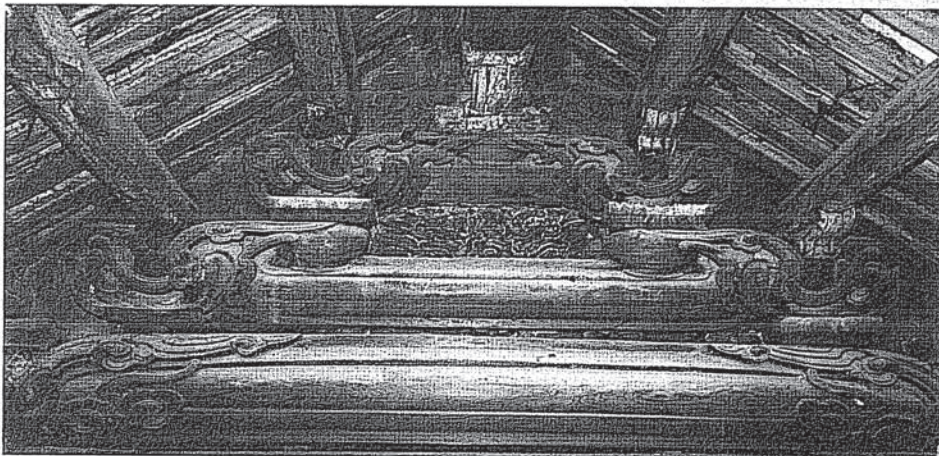
ký và bài minh khá dài.

Nội dung minh chuông cho biết: "...chùa Bình Lâm tự thời Trần thuộc châu Bà Đông Thượng ở giáp giới phía Bắc trường Phú Linh, nước Đại Việt. Nay kế nối sau là thủ lĩnh Nguyễn Anh và vợ là Nguyễn Thị Ninh cùng thaj ông lão bà, thiên nam tín nữ phát tâm đúc quả chuông lớn và giờ Ngọ ngày rằm tháng 3 năm ất Mùi (1295) ở mái hiên Tiểu Thượng Niên, viên Đại Bi trong thành để lưu truyền mãi mãi ở chùa Bình Lâm...". Rõ ràng là chủ nhân của quả chuông này là vợ chồng vị Thủ lĩnh (cũng như Phu đạo trên bia Sùng Khánh) họ Nguyễn. Quả chuông này được đúc ở nơi khác vào năm 1295, rồi mới đưa đến chùa Bình Lâm, và văn bản trên chuông được khắc sau 1 năm (1296) khi chuông được đưa về chùa. Như vậy quả chuông này được đúc khá sớm và ngôi chùa này hẳn cũng được dựng sớm hơn ngôi chùa Sùng Khánh. Cũng như chùa Sùng Khánh, chuông chùa Bình Lâm được hưng công đều là người đứng đầu ở địa phương và cùng mang họ Nguyễn.

Chùa Sùng Khánh và chùa Bình Lâm là hai di tích có gốc từ thời Trần, hiếm hoi và hết sức quý giá, không chỉ đối với tỉnh Hà Giang mà còn đối với cả nước. Chùa Sùng Khánh đã được tái tạo và bảo quản tốt. Duy chùa Bình Lâm hiện đang làm thủ tục Xếp hạng di tích lịch sử. Ngôi chùa được làm trên một khu đồng khá vắng vẻ, lại bảo quản rất sơ sài. Đây là một quả chuông thời Trần hiếm hoi, duy nhất có ghi niên đại còn lại ở nước ta, nhất là lại ở vùng biên cương tổ quốc.

ĐINH KHẮC THUẬN

NGÔI NHÀ HỢP TÁC TƯ BỔ GIỮA VIỆT NAM VÀ NHẬT BẢN



Hiện nay chúng ta mới chỉ tìm được một vài ngôi nhà thờ họ có niên đại vào cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18 và kiến trúc này đã phát triển vào thế kỷ 19. Rõ ràng là, chỉ khi nền kinh tế tư nhân phát triển ở một mức độ nhất định thì kiến trúc phi tập thể mới hình thành dần. Nhà thờ họ ở làng Đình Bảng - Từ Sơn - Bắc Ninh là một chứng tích cụ thể (hiện do ông Nguyễn Thạch Sùng quản lý).

Tin Hải Ninh

